

NGHỊ ĐỊNH
Quy định hoạt động của sàn dữ liệu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định hoạt động của sàn dữ liệu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định hoạt động của sàn dữ liệu gồm: hoạt động của tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu; hoạt động thử nghiệm dữ liệu trên sàn dữ liệu; điều kiện tham gia giao dịch; điều kiện đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu; hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quy trình giao dịch trên sàn dữ liệu; quản lý rủi ro, hỗ trợ xử lý vấn đề phát sinh trong giao dịch và hỗ trợ giải quyết tranh chấp; trách nhiệm của Bên bán, Bên mua và tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến các hoạt động trên sàn dữ liệu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tổ chức, cá nhân tham gia sàn dữ liệu (sau đây gọi là bên tham gia) là Bên bán hoặc Bên mua đăng ký, sử dụng tài khoản trên sàn dữ liệu để thực hiện giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo quy định tại Nghị định này.

2. Bên bán là tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

3. Bên mua là tổ chức, cá nhân nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

4. Dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu là hoạt động của tổ chức kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu thực hiện việc kết nối, hỗ trợ đàm phán, giao kết giao dịch, phục vụ hoạt động kết nối, truyền dẫn, truy cập và xử lý dữ liệu điện tử giữa Bên bán và Bên mua đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu mà không trực tiếp sở hữu hoặc quyết định nội dung dữ liệu được giao dịch.

5. Dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu là hoạt động của tổ chức kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu thực hiện xử lý dữ liệu nhằm tạo ra sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá trị gia tăng so với dữ liệu ban đầu để niêm yết, giao dịch trên sàn dữ liệu.

6. Tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu là tài khoản do tổ chức, cá nhân đăng ký trên sàn dữ liệu để thực hiện giao dịch dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của sàn dữ liệu

1. Tôn trọng quyền sở hữu, quyền khai thác, quyền sử dụng và các quyền hợp pháp khác đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong hoạt động trên sàn dữ liệu; quyền tự do giao dịch, trao đổi, cấp quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, đầu tư, kinh doanh và cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch trong việc niêm yết, giao dịch, hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm về dữ liệu và cung cấp dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

3. Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật trong quá trình giao dịch, lưu trữ trên sàn dữ liệu.

4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch trên sàn dữ liệu.

5. Bảo đảm tính chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, cập nhật kịp thời, thống nhất và có thể truy xuất nguồn gốc của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu.

6. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Nghiêm cấm việc lợi dụng sàn dữ liệu để thực hiện hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân hoặc xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có nguồn gốc từ dữ liệu cá nhân chỉ được giao dịch trên sàn dữ liệu khi đáp ứng điều kiện về khử nhận dạng và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, an ninh mạng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương II

TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ SÀN DỮ LIỆU

Điều 5. Phân loại, quản lý, vận hành sàn dữ liệu

1. Sàn dữ liệu gồm: Sàn dữ liệu quốc gia và các sàn dữ liệu khác.

2. Sàn dữ liệu quốc gia:

a) Sàn dữ liệu quốc gia do Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, giám sát, kiểm tra, đánh giá; thực hiện chức năng cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và môi trường giao dịch dữ liệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Sàn dữ liệu quốc gia cung cấp môi trường giao dịch dữ liệu; cung cấp dữ liệu, các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu từ các nguồn Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác do cơ quan Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quản lý và từ dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác cung cấp;

c) Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động của Sàn dữ liệu quốc gia và các sàn dữ liệu khác.

Việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra, đánh giá phải bảo đảm tách biệt với hoạt động trực tiếp vận hành và cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên Sàn dữ liệu quốc gia.

Việc kiểm tra, đánh giá việc đáp ứng điều kiện hoạt động của Sàn dữ liệu quốc gia được thực hiện bởi cơ quan, đơn vị có chức năng độc lập với đơn vị trực tiếp vận hành Sàn dữ liệu quốc gia, theo định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Trung tâm dữ liệu quốc gia giao đơn vị trực thuộc tổ chức kinh doanh dịch vụ Sàn dữ liệu quốc gia, quản lý dữ liệu giao dịch của các sàn dữ liệu khác có kết nối với Sàn dữ liệu quốc gia.

Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm bảo đảm đầy đủ các điều kiện tương ứng về tổ chức bộ máy, nhân sự chuyên môn, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản lý rủi ro, lưu trữ, giám sát, truy vết giao dịch và các điều kiện khác phục vụ hoạt động của Sàn dữ liệu quốc gia theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan. Tổ chức kinh doanh dịch vụ Sàn dữ liệu quốc gia không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian, phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

đ) Tổ chức kinh doanh dịch vụ Sàn dữ liệu quốc gia cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ bao gồm các hoạt động sau: dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu; dịch vụ chào mua, chào bán; dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm,

dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sản dữ liệu và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

e) Sản dữ liệu quốc gia được tổ chức, quản lý, vận hành trên môi trường điện tử tại địa chỉ <https://sandulieuquocgia.gov.vn>.

3. Sản dữ liệu khác:

a) Sản dữ liệu không thuộc khoản 2 Điều này được cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu từ nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan chủ quản của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu đó quản lý và dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà nước cung cấp;

b) Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu tại điểm a khoản này được cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ bao gồm các hoạt động sau: dịch vụ chào mua, chào bán; dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

4. Các sản dữ liệu phải bảo đảm mức độ an toàn hệ thống thông tin từ cấp độ 3 trở lên. Đối với các sản dữ liệu khác phải bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Sản dữ liệu quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật giữa Sản dữ liệu quốc gia với các sản dữ liệu khác bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

Điều 6. Nguyên tắc xác định giá và chia sẻ doanh thu từ giao dịch dữ liệu trên sản dữ liệu

1. Thu giá đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá trị gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do cơ quan nhà nước quản lý:

a) Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá trị gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý là sản phẩm, dịch vụ được hình thành trên cơ sở xử lý, phân tích, tổng hợp hoặc kết hợp dữ liệu nhằm tạo ra giá trị gia tăng so với dữ liệu ban đầu.

Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá trị gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý được cung cấp theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thông qua sản dữ liệu, không bao gồm các dịch vụ thuộc đối tượng thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, được áp dụng cơ chế thu giá theo quy định của pháp luật về giá;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan khác được Nhà nước giao quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có thẩm quyền ban hành giá cụ thể, giá tối đa hoặc khung giá tùy theo tính chất của từng loại sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm a khoản này, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về giá.

2. Bên bán và tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu tự định giá và điều chỉnh giá đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cung ứng; được xem xét áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định và thực hiện công khai, niêm yết giá theo quy định của pháp luật. Trường hợp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

3. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân được giao dịch trên sàn dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về giá và quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Việc chia sẻ doanh thu từ hoạt động giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu được thực hiện theo thỏa thuận giữa Bên bán, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu và các chủ thể có liên quan, căn cứ quyền, trách nhiệm và mức độ đóng góp của từng chủ thể, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được hình thành từ cơ sở dữ liệu do cơ quan nhà nước quản lý hoặc có liên quan đến tài sản công, việc phân chia, quản lý và sử dụng doanh thu thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan khác được Nhà nước giao quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có trách nhiệm xây dựng phương án giá đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được hình thành từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý và lấy ý kiến Bộ Tài chính trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 7. Dịch vụ trung gian dữ liệu, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu

1. Việc cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu bao gồm các hoạt động sau đây:

- a) Kết nối nhu cầu giữa Bên bán và Bên mua;
- b) Hỗ trợ các bên tìm kiếm, tiếp cận, đàm phán, giao kết và thực hiện giao dịch;
- c) Hỗ trợ Bên bán chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị niêm yết dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- d) Kiểm tra, đánh giá, thẩm định dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu của Bên bán theo phạm vi dịch vụ được thỏa thuận;
- đ) Các hoạt động trung gian dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu có trách nhiệm:

- a) Công bố công khai trên sàn dữ liệu phạm vi, phương thức cung cấp và giá dịch vụ (nếu có);

b) Bảo đảm tính độc lập, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình cung cấp dịch vụ;

c) Thực hiện việc hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá, thẩm định dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo đúng phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận;

d) Cung cấp kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, trong đó thể hiện rõ phạm vi, nội dung, phương pháp thực hiện, thông tin, tài liệu được sử dụng và kết luận đánh giá, thẩm định cho Bên bán và tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định đã thực hiện;

e) Lưu trữ và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu và cơ quan có thẩm quyền;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu được tham gia sàn dữ liệu với tư cách Bên bán theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của Bên bán và công khai tư cách tham gia trên sàn dữ liệu;

b) Không được kiểm tra, đánh giá, thẩm định dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cung cấp với vai trò Bên bán hoặc đối với giao dịch mà mình có quyền, lợi ích liên quan.

4. Kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu là một trong các căn cứ để tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu xem xét hồ sơ, không thay thế trách nhiệm của Bên bán và trách nhiệm kiểm tra, quyết định phê duyệt hoặc từ chối niêm yết của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu.

5. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu đồng thời có quyền, lợi ích liên quan đến một trong các bên tham gia giao dịch, tổ chức đó phải công khai đầy đủ quyền, lợi ích có liên quan trước khi cung cấp dịch vụ; không được lợi dụng vị trí trung gian, thông tin, dữ liệu được tiếp cận hoặc công cụ hỗ trợ giao dịch để tạo lợi thế cạnh tranh không bình đẳng, tác động đến kết quả giao dịch hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

6. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được tạo ra từ hoạt động phân tích, tổng hợp dữ liệu phải được phân loại và công bố rõ trên sàn dữ liệu là sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá trị gia tăng, không phải dữ liệu gốc.

7. Tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu có trách nhiệm:

a) Công bố thông tin cơ bản về phương pháp xử lý, nguồn dữ liệu đầu vào và tần suất cập nhật của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

b) Bảo đảm việc khai thác, sử dụng dữ liệu đầu vào đúng phạm vi quyền khai thác, sử dụng đã được cấp;

c) Bảo đảm sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu không gây hiểu nhầm về bản chất, nguồn gốc, phạm vi và mức độ chính xác của dữ liệu;

d) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn dữ liệu đầu vào, phương pháp xử lý và chất lượng của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được tạo ra;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm:

a) Kiểm tra tư cách pháp lý, phạm vi hoạt động và thông tin công bố của Bên bán, Bên mua, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu, tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

b) Kiểm tra kết quả đánh giá, thẩm định do tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu thực hiện;

c) Kiểm tra, kiểm duyệt thông tin niêm yết, chào mua, chào bán, đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn việc lợi dụng sản dữ liệu để mua, bán dữ liệu cá nhân hoặc giao dịch dữ liệu cá nhân chưa được xử lý nhận dạng;

d) Tạm ngừng, chấm dứt giao dịch, hủy niêm yết hoặc áp dụng biện pháp kỹ thuật cần thiết khi phát hiện dấu hiệu vi phạm; lưu giữ thông tin, tài liệu có liên quan và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Dịch vụ chào mua, chào bán

1. Đối với dịch vụ chào mua, Bên mua có quyền đăng tải yêu cầu về dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu chưa có sẵn trên sản dữ liệu theo nhu cầu. Yêu cầu về dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phải nêu rõ các thông tin cơ bản như sau:

a) Mô tả cụ thể dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cần tìm, gồm: tên gọi, nội dung, thời gian, lĩnh vực, phạm vi, hình thức và phương thức cung cấp, yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật;

b) Mục đích sử dụng;

c) Đối với dữ liệu, sản phẩm về dữ liệu: yêu cầu về phạm vi quyền khai thác, sử dụng dữ liệu dự kiến, bao gồm thời hạn sử dụng, phạm vi mục đích sử dụng và các điều kiện khác (nếu có).

2. Đối với dịch vụ chào bán dữ liệu, sản phẩm về dữ liệu, sản dữ liệu yêu cầu Bên bán cung cấp và công bố tối thiểu các nhóm thông tin sau đây:

a) Thông tin về tư cách pháp lý của Bên bán; nguồn gốc, căn cứ tạo lập hoặc quyền khai thác, sử dụng hợp pháp đối với dữ liệu, sản phẩm về dữ liệu;

b) Mô tả đặc tính kỹ thuật, định dạng, liệt kê các trường thông tin và các thông số khác của dữ liệu, sản phẩm về dữ liệu;

c) Giá và phạm vi quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm về dữ liệu được cấp phép, bao gồm tối thiểu các nội dung sau: thời hạn sử dụng; mục

đích sử dụng được phép; phạm vi lãnh thổ áp dụng (nếu có); tính độc quyền hoặc không độc quyền của quyền khai thác, sử dụng được cấp phép; điều kiện và giới hạn chuyển nhượng lại quyền khai thác, sử dụng cho bên thứ ba; các điều kiện hạn chế về quyền sở hữu trí tuệ (nếu có).

3. Đối với việc chào bán dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu, tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ phải công bố tối thiểu các thông tin sau:

- a) Phạm vi và phương thức cung cấp dịch vụ;
- b) Giá dịch vụ;
- c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- d) Các điều kiện và giới hạn trong việc cung cấp dịch vụ liên quan đến dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

4. Bên bán và Bên mua chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của thông tin chào mua, chào bán đã đăng tải trên sàn dữ liệu; tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình chào mua, chào bán, giao dịch, khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

5. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm kiểm duyệt nội dung chào mua, chào bán nhằm ngăn chặn việc đăng tải dữ liệu cá nhân, dữ liệu chưa được phép giao dịch, dữ liệu có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về dữ liệu. Đối với dịch vụ trung gian dữ liệu và dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu, việc kiểm duyệt bao gồm xác minh tư cách pháp lý, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và tính đầy đủ, hợp lệ của thông tin dịch vụ đăng tải.

Điều 9. Dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sàn dữ liệu

1. Dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sàn dữ liệu là hoạt động cung cấp ý kiến chuyên môn, giải pháp và hỗ trợ kỹ thuật, nghiệp vụ cho tổ chức, cá nhân trong việc thiết kế, xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành và phát triển hoạt động của sàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Dịch vụ tư vấn bao gồm:

- a) Khảo sát và phân tích nhu cầu: xác định loại dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sẽ giao dịch, đánh giá quy mô, đối tượng sử dụng, yêu cầu pháp lý;
- b) Thiết kế kiến trúc hệ thống về hạ tầng công nghệ thông tin: máy chủ, trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây; cơ chế lưu trữ, chia sẻ, bảo mật dữ liệu; xây dựng quy trình vận hành; quy định giao dịch dữ liệu, kiểm định chất lượng dữ liệu; cơ chế thanh toán, định giá dữ liệu;
- c) Tư vấn về pháp lý, an ninh dữ liệu;
- d) Đào tạo và chuyển giao công nghệ;
- đ) Quản lý, vận hành sàn dữ liệu.

Điều 10. Dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu bao gồm:

a) Dịch vụ phân tích giá thị trường: cung cấp thông tin, chỉ số và mức giá thị trường được phân tích, tổng hợp từ dữ liệu giao dịch thị trường và các thông số kỹ thuật của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

b) Dịch vụ kết nối thẩm định giá: làm đầu mối trung gian tiếp nhận yêu cầu, kết nối tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác định giá trị dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu với các doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu khi thực hiện dịch vụ hỗ trợ định giá có trách nhiệm:

a) Xây dựng, vận hành và cập nhật thường xuyên hệ thống phân tích, tổng hợp dữ liệu thị trường phục vụ cung cấp thông tin giá thị trường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Niêm yết và cập nhật thường xuyên danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá trên hệ thống của sàn dữ liệu;

c) Cung cấp môi trường kỹ thuật bảo mật để doanh nghiệp thẩm định giá tiếp cận, khảo sát và đánh giá dữ liệu mẫu hoặc thông số kỹ thuật của dữ liệu theo yêu cầu của khách hàng;

d) Giám sát việc thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa các bên, bảo đảm tuân thủ đúng cam kết và Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

Điều 11. Dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu được tổ chức đấu giá đối với quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu hợp pháp được niêm yết trên sàn dữ liệu theo một trong các phương thức sau:

a) Tự tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

b) Ký kết hợp đồng dịch vụ với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá trên hạ tầng kỹ thuật của sàn dữ liệu.

2. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được đấu giá theo quy định tại Điều này là tài sản đấu giá không thuộc trường hợp pháp luật bắt buộc phải đấu giá; trình tự, thủ tục đấu giá thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Việc đấu giá được thực hiện bằng hình thức đấu giá trực tuyến theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Phương thức đấu giá áp dụng phương thức trả giá lên hoặc phương thức đặt giá xuống tùy theo tính chất của từng loại dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được đấu giá.

3. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu hoặc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được ủy quyền ban hành Quy chế cuộc đấu giá trước ngày niêm yết

việc đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, Quy chế cuộc đấu giá phải quy định các nội dung sau đây:

a) Mô tả dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đưa ra đấu giá, bao gồm: tên gọi, định dạng, khối lượng, thông số kỹ thuật, phạm vi quyền khai thác, sử dụng được chuyển giao, điều kiện chuyển nhượng lại quyền khai thác và các điều kiện hạn chế kèm theo (nếu có);

b) Điều kiện tham gia đấu giá, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan;

c) Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ cuộc đấu giá.

4. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và vận hành hệ thống kỹ thuật phục vụ đấu giá đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Ghi nhận chính xác, trung thực thời điểm gửi giá, mức giá của từng người tham gia và diễn biến cuộc đấu giá theo thời gian thực;

b) Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu;

c) Lưu trữ toàn bộ lịch sử diễn biến cuộc đấu giá phục vụ tra cứu, giải quyết tranh chấp và kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện kỹ thuật đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

5. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu hoặc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được ủy quyền có trách nhiệm:

a) Xác thực năng lực pháp lý và tư cách của người tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

b) Quản lý tiền đặt trước của người tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; thực hiện hoàn trả hoặc xử lý tiền đặt trước theo kết quả cuộc đấu giá;

c) Thông báo kết quả đấu giá cho các bên liên quan; hỗ trợ các bên ký kết hợp đồng cấp phép quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi kết thúc cuộc đấu giá;

d) Thực hiện hủy kết quả đấu giá và xử lý hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

6. Dữ liệu cá nhân không được đưa ra đấu giá trên sàn dữ liệu. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có nguồn gốc từ dữ liệu cá nhân chỉ được đấu giá trên sàn dữ liệu khi đáp ứng điều kiện về khử nhận dạng và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có trách nhiệm từ chối tổ chức đấu giá đối với dữ liệu cá nhân, dữ liệu chưa được phép giao dịch hoặc dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM TRÊN SẢN DỮ LIỆU

Điều 12. Hoạt động thử nghiệm trên sản dữ liệu

1. Hoạt động thử nghiệm trên sản dữ liệu là việc sản dữ liệu cung cấp một môi trường kỹ thuật số biệt lập, bảo mật (sau đây gọi tắt là môi trường thử nghiệm) cho phép tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu truy cập, xử lý và phân tích dữ liệu đã được niêm yết trên sản dữ liệu nhằm đánh giá chất lượng, tính phù hợp của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trước khi quyết định giao dịch chính thức. Hoạt động thử nghiệm được thực hiện trong thời hạn giới hạn và không thay thế cho giao dịch chính thức.

2. Mục đích của hoạt động thử nghiệm trên sản dữ liệu:

a) Tạo điều kiện cho Bên mua đánh giá chất lượng, tính phù hợp của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trước khi quyết định giao dịch chính thức;

b) Bên mua được tích hợp dữ liệu trên sản dữ liệu với dữ liệu riêng của Bên mua trong phạm vi môi trường thử nghiệm để phân tích, đánh giá chất lượng, tính phù hợp của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trước khi thực hiện giao dịch chính thức.

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động của môi trường thử nghiệm

1. Môi trường thử nghiệm phải được thiết kế, vận hành tách biệt hoàn toàn về mặt vật lý hoặc logic với hệ thống vận hành chính thức của sản dữ liệu và các hệ thống thông tin bên ngoài, bảo đảm sự cố an ninh mạng hoặc rủi ro về an ninh dữ liệu trong môi trường thử nghiệm (nếu có) không lây lan sang hệ thống khác theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

2. Dữ liệu được đưa vào môi trường thử nghiệm phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ được lưu trữ, xử lý trong phạm vi hạ tầng kỹ thuật của sản dữ liệu. Bên tham gia thử nghiệm chỉ được thực hiện các thao tác xử lý đối với dữ liệu trong môi trường thử nghiệm; không được tải về, sao chép hoặc trích xuất dữ liệu gốc ra khỏi môi trường thử nghiệm.

3. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm cung cấp các công cụ kỹ thuật để kiểm soát luồng dữ liệu, phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn hành vi truy cập, sao chép, trích xuất trái phép dữ liệu ra khỏi môi trường thử nghiệm.

4. Thời hạn thử nghiệm đối với một sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được xác định như sau:

a) Thời hạn thử nghiệm tối đa là 30 ngày kể từ ngày Bên tham gia thử nghiệm được cấp quyền truy cập vào môi trường thử nghiệm;

b) Trường hợp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có tính chất phức tạp về kỹ thuật hoặc khối lượng dữ liệu lớn cần thời gian đánh giá dài hơn, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có thể cho phép gia hạn thêm tối đa 30 ngày trên cơ

sở đề nghị của Bên bán và Bên tham gia thử nghiệm; tổng thời hạn thử nghiệm không vượt quá 60 ngày;

c) Một Bên tham gia thử nghiệm không được đăng ký thử nghiệm lặp lại đối với cùng một sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi đã hết thời hạn thử nghiệm mà không tiến hành giao dịch chính thức, trừ trường hợp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đó đã có sự thay đổi đáng kể về nội dung, phiên bản hoặc phạm vi quyền khai thác, sử dụng được cấp phép;

d) Khi hết thời hạn thử nghiệm, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm tự động chấm dứt quyền truy cập của Bên tham gia thử nghiệm vào môi trường thử nghiệm và xóa dữ liệu thử nghiệm, bản sao, dữ liệu làm việc trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hết hạn.

Điều 14. Dữ liệu trong hoạt động thử nghiệm trên sản dữ liệu

Các loại dữ liệu được phép đưa vào môi trường thử nghiệm bao gồm:

1. Dữ liệu do Bên bán cung cấp và đồng ý sử dụng trong phạm vi thử nghiệm.
2. Dữ liệu của Bên tham gia thử nghiệm.
3. Dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung do tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu cung cấp cho mục đích thử nghiệm.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến hoạt động thử nghiệm trên sản dữ liệu

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có quyền và nghĩa vụ:

a) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên tính toán và các công cụ phân tích cần thiết cho hoạt động thử nghiệm; bảo đảm tính ổn định, liên tục và an toàn của môi trường thử nghiệm trong suốt thời gian được đăng ký;

b) Thực hiện giám sát an ninh mạng trong môi trường thử nghiệm theo pháp luật về an ninh mạng để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi tấn công mạng, xâm nhập trái phép hoặc vi phạm quy chế sử dụng môi trường thử nghiệm;

c) Đơn phương chấm dứt phiên thử nghiệm và xóa bỏ dữ liệu liên quan trong môi trường thử nghiệm trong trường hợp phát hiện nguy cơ sự cố an ninh mạng nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và các bên liên quan;

d) Thực hiện kiểm tra kỹ thuật đối với kết quả đầu ra trước khi cho phép trích xuất dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu ra khỏi môi trường thử nghiệm nhằm bảo đảm kết quả đầu ra không chứa dữ liệu gốc của Bên bán dưới bất kỳ hình thức nào;

đ) Không chịu trách nhiệm về tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ giữa Bên bán và Bên tham gia thử nghiệm phát sinh từ việc sử dụng kết quả thử

nghiệm, trừ trường hợp tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có lỗi trong việc kiểm soát, ngăn chặn hành vi trích xuất dữ liệu trái phép.

2. Bên bán có quyền và nghĩa vụ:

a) Xác định phạm vi, loại dữ liệu được phép truy cập và thời hạn thử nghiệm;

b) Yêu cầu tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu từ chối cho phép trích xuất kết quả đầu ra khi có căn cứ cho rằng kết quả đầu ra chứa dữ liệu gốc của Bên bán.

3. Bên tham gia thử nghiệm có quyền và nghĩa vụ:

a) Tuân thủ quy chế sử dụng môi trường thử nghiệm và phạm vi thử nghiệm đã được chấp thuận;

b) Không thực hiện các biện pháp kỹ thuật nhằm chiếm đoạt, sao chép dữ liệu gốc của Bên bán ra khỏi môi trường thử nghiệm; không thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Bên bán theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

c) Bảo mật thông tin về dữ liệu được tiếp cận trong quá trình thử nghiệm và không tiết lộ thông tin đó cho bên thứ ba khi chưa được Bên bán đồng ý;

d) Thanh toán chi phí sử dụng tài nguyên hạ tầng thử nghiệm theo quy định của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu;

đ) Chịu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi cố ý vi phạm quy định về trích xuất kết quả đầu ra, sao chép hoặc sử dụng trái phép dữ liệu gốc; phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu, Bên bán và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Tranh chấp phát sinh trong quá trình thử nghiệm hoặc liên quan đến kết quả thử nghiệm trên sản dữ liệu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm lưu trữ nhật ký hoạt động kỹ thuật của môi trường thử nghiệm và cung cấp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc các bên tranh chấp để làm căn cứ giải quyết.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN THAM GIA GIAO DỊCH TRÊN SẢN DỮ LIỆU CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ DỮ LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU ĐƯỢC GIAO DỊCH TRÊN SẢN DỮ LIỆU

Điều 16. Điều kiện tham gia giao dịch trên sản dữ liệu của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức là pháp nhân Việt Nam được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức là pháp nhân nước ngoài phải được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật nơi pháp nhân đó đặt trụ sở; đáp ứng các điều kiện tham gia giao dịch theo quy định của pháp luật dân sự và các quy định khác có liên quan; có hiện diện thương mại, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều kiện đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu

Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu phải bảo đảm các nội dung sau:

1. Về tính hợp pháp và thông tin công bố

a) Có nguồn gốc hợp pháp và được chứng minh bằng các hồ sơ, tài liệu hợp lệ về việc thu thập, tạo lập hoặc nhận chuyển giao quyền khai thác, sử dụng dữ liệu; đối tượng, nội dung, phương pháp và quy trình tạo ra dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phải bảo đảm tính minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và đã được tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu kiểm tra, đánh giá.

Việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu không bao gồm các nội dung thuộc bí mật kinh doanh hoặc các thông tin khác thuộc phạm vi bảo vệ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của hồ sơ, tài liệu theo quy định của Nghị định này;

b) Có các điều kiện, yêu cầu hoặc hạn chế (nếu có) trong việc lưu thông, lưu hành và sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đã được Bên bán xác định và công bố rõ ràng trong hồ sơ dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Không thuộc trường hợp dữ liệu không được phép giao dịch theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

3. Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu sau đây:

a) Có định dạng phù hợp, thông dụng, bảo đảm khả năng đọc, khai thác và xử lý bằng máy;

b) Trường hợp được cung cấp thông qua giao diện lập trình ứng dụng, phải có tài liệu hướng dẫn kết nối, mô tả cấu trúc dữ liệu, phương thức xác thực, phân quyền truy cập và giới hạn khai thác;

c) Bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng trên hệ thống của sàn dữ liệu;

d) Bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình kết nối, truyền, nhận, lưu trữ và khai thác dữ liệu;

đ) Bên bán phải công bố trong hồ sơ niêm yết thông tin về chất lượng, mức độ chính xác, đầy đủ, cập nhật và các hạn chế của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu căn cứ các yêu cầu tối thiểu quy định tại khoản này để ban hành, công khai yêu cầu kỹ thuật cụ thể phù hợp với đặc điểm hoạt động của sản dữ liệu.

Chương V

QUY TRÌNH GIAO DỊCH TRÊN SẢN DỮ LIỆU

Điều 18. Đăng ký tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu và tài khoản thanh toán trên sản dữ liệu

1. Quy trình đăng ký tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu được tích hợp với các hệ thống định danh cá nhân, định danh tổ chức theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử và các quy định của pháp luật có liên quan như sau:

a) Đối với công dân Việt Nam: Đăng ký tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu thông qua tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) hoặc các phương thức khác được cung cấp trên sản dữ liệu;

b) Đối với tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam: Đăng ký tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu thông qua tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) hoặc các phương thức khác được cung cấp trên sản dữ liệu;

c) Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) thì áp dụng quy trình như đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Trường hợp không có tài khoản định danh điện tử thì thực hiện quy trình xác minh bằng phương thức gửi đề nghị mở tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu theo mẫu ĐK01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Hồ sơ, tài liệu pháp lý phải được chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu thực hiện việc kiểm tra, xác minh và cấp tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu theo quy trình được quy định tại Quy chế hoạt động của sản dữ liệu.

d) Sản dữ liệu có thể áp dụng các phương thức xác thực thông qua hệ thống định danh điện tử, nền tảng xác thực số hoặc dịch vụ xác thực điện tử của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở nước ngoài hoặc các hệ thống xác thực điện tử được công nhận, liên thông theo điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên, bảo đảm xác thực chính xác chủ thể tham gia giao dịch.

2. Khi đăng ký tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu, các bên tham gia phải cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của những thông tin trên.

3. Bên tham gia phải mở tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc sử dụng ví điện tử tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong danh mục do tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sàn dữ liệu để thực hiện giao dịch.

4. Mọi giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu phải được thực hiện thông qua tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu và tài khoản thanh toán đã đăng ký trên sàn dữ liệu.

5. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được hình thành từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chỉ được giao dịch trên sàn dữ liệu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc phạm vi dữ liệu được phép chia sẻ, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hoặc chủ thể có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng, cung cấp trên sàn dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu mở đã được công bố theo quy định của pháp luật;

c) Không làm lộ, lọt bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu hạn chế tiếp cận hoặc dữ liệu không được phép chia sẻ theo quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, phương thức, điều kiện khai thác, sử dụng dữ liệu đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cho phép;

đ) Có hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền cung cấp, quyền khai thác, sử dụng, quyền giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Đăng ký thông tin sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Bên bán lập hồ sơ đề nghị niêm yết dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, bao gồm các thông tin sau đây:

a) Thông tin về Bên bán và chủ sở hữu dữ liệu hoặc chủ thể có quyền hợp pháp đối với dữ liệu;

b) Thông tin về giá và phương thức thanh toán;

c) Thông tin, tài liệu về nguồn gốc, căn cứ tạo lập, phương thức thu thập và tính hợp pháp của dữ liệu; tài liệu chứng minh tư cách của Bên bán trong việc cung cấp hoặc cấp quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu;

d) Mô tả đặc tính kỹ thuật, định dạng, các trường thông tin và thông số khác của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

đ) Phạm vi quyền khai thác, sử dụng dữ liệu được cấp, bao gồm thời hạn sử dụng; mục đích sử dụng; phạm vi lãnh thổ áp dụng (nếu có); tính độc quyền

hoặc không độc quyền; điều kiện, giới hạn chuyển giao lại quyền khai thác, sử dụng cho bên thứ ba; điều kiện hạn chế về quyền sở hữu trí tuệ (nếu có);

e) Các thông tin, tài liệu khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được hình thành từ cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, ngoài các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ đề nghị niêm yết phải có các thông tin, tài liệu sau đây:

a) Cơ quan tạo lập dữ liệu; cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu; cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu;

b) Cơ quan, tổ chức hoặc chủ thể có thẩm quyền quyết định việc cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sản dữ liệu;

c) Chủ thể chịu trách nhiệm về chất lượng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

d) Vai trò, quyền và trách nhiệm của Bên bán và các chủ thể có liên quan;

đ) Nghĩa vụ tài chính và nguyên tắc phân phối doanh thu, nếu có;

e) Quyết định, văn bản chấp thuận, thỏa thuận, văn bản ủy quyền hoặc tài liệu khác chứng minh quyền cung cấp, khai thác, sử dụng và giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sản dữ liệu.

3. Bên bán có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực thông tin, tài liệu trong hồ sơ đề nghị niêm yết;

b) Chứng minh nguồn gốc hợp pháp, quyền cung cấp, quyền khai thác, sử dụng và quyền giao dịch đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp, đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ và dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đề nghị niêm yết;

d) Cập nhật, bổ sung kịp thời thông tin, tài liệu khi có thay đổi trong quá trình xem xét hồ sơ và trong thời gian dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được niêm yết.

4. Bên bán được lựa chọn một trong các phương thức nộp hồ sơ sau đây:

a) Gửi trực tiếp hồ sơ đề nghị niêm yết đến tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu. Trường hợp hồ sơ chưa có báo cáo kết quả thẩm định, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu chuyển hồ sơ đến tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu do Bên bán lựa chọn để thẩm định theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;

b) Sử dụng dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu để hỗ trợ chuẩn bị, hoàn thiện, kiểm tra, đánh giá, thẩm định sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trước khi gửi đến tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu. Hồ sơ phải kèm theo kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu.

5. Việc sử dụng dịch vụ trung gian dữ liệu không làm thay đổi hoặc loại trừ trách nhiệm của Bên bán đối với hồ sơ và dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đề nghị niêm yết.

6. Trường hợp Bên bán đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu, Bên bán không được tự kiểm tra, đánh giá, thẩm định sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu do Bên bán cung cấp. Trong trường hợp này, Bên bán sử dụng dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu khác trên sàn dữ liệu không có quyền, lợi ích liên quan.

Điều 20. Kiểm tra, đánh giá, thẩm định dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu được Bên bán lựa chọn thực hiện việc hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá, thẩm định theo phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận, bao gồm:

- a) Kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất của hồ sơ;
- b) Đối chiếu thông tin, tài liệu do Bên bán cung cấp về nguồn gốc, quyền cung cấp, khai thác, sử dụng và giao dịch đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- c) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch của Bên bán theo Điều 16 Nghị định này;
- d) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo Điều 17 Nghị định này;
- đ) Đánh giá nguồn gốc, tính hợp pháp, chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong phạm vi chuyên môn và dịch vụ đã thỏa thuận;
- e) Lập kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định và gửi Bên bán, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu không được thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu do tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu cung cấp với vai trò là Bên bán;
- b) Có quyền, lợi ích liên quan có thể ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan của kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Bên bán nộp trực tiếp hồ sơ chưa có báo cáo kết quả thẩm định, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu chuyển hồ sơ đến tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu do Bên bán lựa chọn để thẩm định theo khoản 1 Điều này. Sau khi nhận được báo cáo kết quả thẩm định, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu thực hiện kiểm tra hồ sơ theo khoản 4 Điều này.

4. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị niêm yết, bao gồm:

- a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thống nhất của hồ sơ;
- b) Kiểm tra việc đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch của Bên bán theo Điều 16 Nghị định này;
- c) Kiểm tra việc đáp ứng điều kiện đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo Điều 17 Nghị định này;
- d) Kiểm tra thông tin, tài liệu quy định tại Điều 19 Nghị định này;
- đ) Xem xét kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu và thực hiện lại việc kiểm tra, đánh giá, thẩm định nếu cần thiết;
- e) Kiểm tra, xác định tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
- g) Yêu cầu Bên bán hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu khi cần thiết.

Trường hợp cần thiết để làm rõ nội dung hồ sơ, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu được lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia hoặc chủ thể có liên quan.

5. Trường hợp tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu đồng thời cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu thì được thực hiện thẩm định theo khoản 1 Điều này, nhưng phải bảo đảm tách biệt giữa bộ phận thực hiện thẩm định và bộ phận kiểm tra, quyết định niêm yết; không được thẩm định hồ sơ và dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cung cấp với tư cách Bên bán hoặc đối với giao dịch mà mình có quyền, lợi ích liên quan.

6. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu quyết định:

- a) Phê duyệt niêm yết khi Bên bán và dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định;
- b) Yêu cầu Bên bán sửa đổi, bổ sung hồ sơ khi thông tin, tài liệu chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần được làm rõ;
- c) Yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu kiểm tra, đánh giá, thẩm định thêm thông tin về sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu khi kết quả chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần được làm rõ;
- d) Từ chối niêm yết khi Bên bán hoặc dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu không đáp ứng điều kiện theo quy định. Việc từ chối phải được thông báo cho Bên bán và nêu rõ lý do.

7. Kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu không thay thế trách nhiệm kiểm tra và quyết định phê duyệt hoặc từ chối niêm yết của tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu.

Điều 21. Niêm yết dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu thực hiện niêm yết dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi quyết định phê duyệt niêm yết theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

2. Thông tin niêm yết bao gồm:

- a) Tên và loại dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- b) Thông tin về Bên bán;
- c) Thông tin về nguồn gốc, phương thức thu thập, tạo lập và tính hợp pháp của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- d) Đặc tính kỹ thuật, định dạng, các trường thông tin và thông số khác có liên quan đến dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- đ) Thông tin về chất lượng, mức độ chính xác, đầy đủ, cập nhật và các hạn chế của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- e) Giá, phương thức thanh toán và phạm vi quyền khai thác, sử dụng được cấp;
- g) Tên tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu, phạm vi và kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định;
- h) Các thông tin khác theo quy định tại Điều 19 Nghị định này và Quy chế hoạt động của sản dữ liệu.

3. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm nội dung niêm yết phù hợp với hồ sơ đã được phê duyệt và công bố các thông tin phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên bán có trách nhiệm kiểm tra thông tin trước khi niêm yết; cập nhật kịp thời khi có thay đổi và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của thông tin cập nhật.

4. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu quyết định tạm ngừng hoặc hủy niêm yết trong các trường hợp sau đây:

- a) Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được xác định có nguồn gốc hoặc phương thức thu thập, tạo lập không đúng quy định pháp luật;
- b) Bên bán không còn đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch trên sản dữ liệu;
- c) Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu không còn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định này;
- d) Chất lượng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu không đáp ứng nội dung công bố hoặc cam kết và Bên bán không khắc phục trong thời hạn được yêu cầu;
- đ) Bên bán cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không trung thực hoặc không cập nhật thay đổi làm ảnh hưởng đến điều kiện niêm yết;
- e) Theo quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;
- g) Bên bán đề nghị hủy niêm yết;

h) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

5. Khi tạm ngừng hoặc hủy niêm yết, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thông báo cho Bên bán, các bên có liên quan và công khai trạng thái của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu;

b) Thực hiện biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bên mua đã giao dịch trước thời điểm tạm ngừng hoặc hủy niêm yết;

c) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu có liên quan để phục vụ việc đối soát, tra cứu, giải quyết tranh chấp và kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Thực hiện biện pháp khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

Điều 22. Khởi tạo và xác lập giao dịch

1. Bên mua được cung cấp thông tin chi tiết và kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định của dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được niêm yết trên sàn dữ liệu.

2. Hình thức khởi tạo giao dịch:

a) Đặt lệnh mua trực tiếp đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá niêm yết cố định;

b) Gửi đề nghị giao dịch tới Bên bán để đàm phán về các điều khoản trong trường hợp giá cả hoặc các điều kiện khác có thể thương lượng;

c) Đấu giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Việc đề nghị giao dịch, chấp nhận đề nghị giao dịch, sửa đổi, rút lại, hủy bỏ, chấm dứt đề nghị giao dịch và xác định thời điểm giao dịch, hiệu lực của hợp đồng điện tử trên sàn dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, giao dịch điện tử và thỏa thuận hợp pháp của các bên. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm ghi nhận, lưu trữ đầy đủ thông điệp dữ liệu, thời điểm gửi, nhận và thao tác xác nhận của các bên để phục vụ đối soát, truy vết và giải quyết tranh chấp.

4. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu quyết định tạm ngừng giao dịch đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong các trường hợp sau:

a) Có dấu hiệu vi phạm về nguồn gốc, tính hợp pháp của dữ liệu đang được xác minh;

b) Nhận được khiếu nại của Bên mua về chất lượng dữ liệu không đúng cam kết và cần thời gian để xác minh;

c) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;

đ) Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có dấu hiệu vi phạm quy định về phân tích, tổng hợp dữ liệu theo Điều 7 Nghị định này.

5. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu phải thực hiện việc tạm ngừng giao dịch trong thời gian sớm nhất nhưng không quá 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được thông tin có căn cứ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tạm ngừng giao dịch, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm hoàn thành việc xem xét, xác minh và quyết định khôi phục giao dịch hoặc áp dụng biện pháp theo quy định của Nghị định này và Quy chế hoạt động của sản dữ liệu. Trường hợp vụ việc phức tạp, có thể gia hạn thời gian xác minh nhưng không quá 05 ngày làm việc và phải thông báo cho các bên liên quan.

6. Trường hợp giao dịch trên sản dữ liệu có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc phát sinh hoạt động chuyển dữ liệu, xử lý dữ liệu xuyên biên giới, các bên tham gia giao dịch và tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và pháp luật có liên quan; áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Giao kết hợp đồng

1. Giao dịch mua bán, trao đổi sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sản dữ liệu phải được xác lập thông qua hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hợp đồng điện tử được giao kết và thực hiện thông qua hệ thống thông tin của sản dữ liệu.

2. Hợp đồng điện tử bao gồm các nội dung tối thiểu:

- a) Thông tin cơ bản và thông tin liên lạc của Bên bán và Bên mua;
- b) Thông tin của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và thông tin thẩm định của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu;
- c) Quyền và nghĩa vụ của Bên bán và Bên mua;
- d) Yêu cầu về chất lượng đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- đ) Mục đích sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- e) Giá trị giao dịch; phương thức, tiến độ, thời hạn thanh toán;
- g) Phương thức và thời hạn cung cấp, giao hàng;
- h) Nghĩa vụ bảo mật;
- i) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- k) Giải quyết tranh chấp;
- l) Hiệu lực và chấm dứt hợp đồng.

3. Hợp đồng điện tử trên sản dữ liệu chỉ có hiệu lực khi có sự chấp thuận của cả hai bên được thể hiện bằng một trong các phương thức sau, do các bên

lựa chọn tương ứng với tính chất và giá trị giao dịch: chữ ký số công cộng, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn, hoặc các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử do sản dữ liệu triển khai và được quy định tại Quy chế hoạt động của sản dữ liệu. Các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử phải đáp ứng tối thiểu các điều kiện sau:

- a) Xác định được chủ thể chấp thuận đối với nội dung hợp đồng điện tử;
- b) Ghi nhận được thời điểm xác nhận;
- c) Bảo đảm tính toàn vẹn của nội dung thông điệp dữ liệu kể từ thời điểm xác nhận.

4. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm:

- a) Thiết lập và vận hành hệ thống kỹ thuật bảo đảm định danh đúng chủ thể và ghi nhận xác thực sự chấp thuận của các bên đối với nội dung hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử;
- b) Lưu trữ hợp đồng điện tử và thông tin xác nhận của các bên bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu trong suốt thời hạn hợp đồng và thời hạn lưu trữ tối thiểu theo quy định của pháp luật về lưu trữ;
- c) Cung cấp khả năng truy xuất, tra cứu hợp đồng điện tử cho các bên liên quan theo quy định.

5. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng điện tử trên sản dữ liệu chỉ có hiệu lực khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Được lập thành phụ lục hợp đồng điện tử hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung dưới dạng thông điệp dữ liệu thông qua hệ thống thông tin của sản dữ liệu;
- b) Các bên xác nhận bằng phương thức theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- c) Hệ thống sản dữ liệu ghi nhận và gắn dấu thời gian vào thông điệp dữ liệu xác nhận sửa đổi, bổ sung. Phụ lục hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung là bộ phận không tách rời của hợp đồng điện tử gốc.

6. Khi chấm dứt hợp đồng, các bên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh lý theo thỏa thuận tại hợp đồng điện tử. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu ghi nhận trạng thái chấm dứt hợp đồng trên hệ thống và bảo đảm lưu trữ hồ sơ giao dịch theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7. Xác thực giao dịch và vai trò của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu

- a) Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu thực hiện vai trò trung gian xác thực giao dịch bằng cách gắn xác nhận kỹ thuật của hệ thống vào hợp đồng điện tử ngay khi hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều này, bao gồm dấu thời gian được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy về dấu thời gian đã được cấp phép theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và mã bảo đảm toàn vẹn thông điệp dữ liệu do hệ thống sản dữ liệu tạo lập;

- b) Trường hợp các bên có nhu cầu chứng thực hợp đồng điện tử bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu hoặc dịch vụ chứng thực

hợp đồng điện tử trong thương mại thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về thương mại điện tử;

c) Trên cơ sở dữ liệu giao dịch được lưu trữ tại hệ thống, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu cung cấp tài liệu xác nhận giao dịch cho các bên khi có yêu cầu.

Điều 24. Thanh toán giao dịch

1. Nghĩa vụ thanh toán của Bên mua được thực hiện theo nội dung hợp đồng điện tử và thỏa thuận hợp pháp của các bên. Các bên có thể thỏa thuận việc thanh toán toàn bộ, thanh toán từng phần, thanh toán sau khi giao hàng hoặc áp dụng cơ chế tạm giữ khoản tiền thanh toán cho đến khi hoàn thành việc bàn giao, kiểm tra và xác nhận kết quả giao dịch.

Giao dịch thanh toán phải được thực hiện thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu công bố theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này và phù hợp với quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong giao dịch là đồng Việt Nam (VND).

Điều 25. Giao hàng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; ghi nhận, lưu trữ, truy vết giao dịch và xác nhận quyền khai thác, sử dụng đối với dữ liệu

1. Việc giao hàng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu dưới hình thức tệp tải về, cấp quyền truy cập qua giao diện lập trình ứng dụng (API), cung cấp kết quả xác thực dữ liệu hoặc các hình thức khác được thực hiện theo hợp đồng điện tử và thỏa thuận hợp pháp của các bên khi sàn dữ liệu ghi nhận đồng thời 02 (hai) điều kiện sau đây:

a) Hợp đồng điện tử tương ứng có hiệu lực theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật;

b) Bên mua đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng điện tử.

Bên mua có trách nhiệm kiểm tra và phản hồi về kết quả giao hàng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trong thời hạn được thỏa thuận tại hợp đồng điện tử. Việc giao được xác định hoàn thành khi dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được cung cấp đúng mô tả, khối lượng, phạm vi quyền khai thác, sử dụng và yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mức độ cung cấp dịch vụ theo hợp đồng; đồng thời được Bên mua xác nhận hoặc hết thời hạn phản hồi mà Bên mua không có ý kiến.

Trường hợp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao thiếu, giao sai, có lỗi, không thể truy cập, khai thác hoặc không đáp ứng nội dung đã thỏa thuận, Bên bán, Bên mua, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu thực hiện việc sửa lỗi, cung cấp bổ sung, thay thế, giảm giá, hoàn trả

tiền hoặc bồi thường thiệt hại theo hợp đồng, phạm vi dịch vụ và lỗi của từng bên và theo quy định của pháp luật.

2. Ngay sau khi hoàn thành việc giao hàng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm ghi nhận và lưu trữ đầy đủ thông tin giao dịch trên hệ thống, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Thông tin về Bên bán, Bên mua, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sản dữ liệu; dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch và chủ thể có quyền đối với dữ liệu theo quy định của pháp luật;

b) Thời điểm giao dịch, mã giao dịch, giá trị giao dịch, hình thức giao hàng, phạm vi quyền sử dụng hoặc quyền tài sản khác được chuyển giao;

c) Thời hạn sử dụng, điều kiện sử dụng, giới hạn chuyển giao lại và các nội dung khác có liên quan theo hợp đồng điện tử;

d) Dấu thời gian, xác nhận kỹ thuật của hệ thống sản dữ liệu và các thông tin cần thiết khác để phục vụ việc đối soát, tra cứu, xác minh giao dịch.

3. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập, duy trì và vận hành hệ thống ghi nhận, lưu trữ và truy vết giao dịch dữ liệu, bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, liên tục lịch sử giao dịch của từng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

b) Bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng kiểm chứng, không bị sửa đổi, giả mạo trái phép đối với bản ghi giao dịch;

c) Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc, xác minh chuỗi giao dịch, phạm vi quyền đã được chuyển giao và tình trạng hiệu lực của giao dịch;

d) Bảo đảm thông tin về giao dịch, hợp đồng điện tử, thông tin thanh toán, thông tin bàn giao, xác nhận hoàn thành giao dịch, nhật ký truy cập, nhật ký xử lý, mã giao dịch, siêu dữ liệu giao dịch và các thông tin cần thiết khác được lưu trữ an toàn, đầy đủ, có khả năng tra cứu, đối soát, truy vết để phục vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xác minh, giải quyết khiếu nại, tranh chấp và xử lý vi phạm.

Thời hạn lưu trữ thông tin, hồ sơ, nhật ký phục vụ truy vết giao dịch tối thiểu là 10 năm kể từ ngày giao dịch được hoàn thành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

đ) Bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với hệ thống tra cứu tập trung của Sản dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định này.

4. Trên cơ sở thông tin giao dịch đã được ghi nhận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu cấp cho Bên mua văn bản xác nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu dưới dạng thông điệp dữ liệu, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Thông tin nhận dạng của Bên mua và Bên bán;

- b) Mô tả dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đã được bàn giao;
- c) Phạm vi quyền sử dụng, quyền tài sản khác đối với dữ liệu được chuyển giao;
- d) Thời hạn sử dụng;
- đ) Mã giao dịch;
- e) Dấu thời gian bàn giao;
- g) Xác nhận kỹ thuật của hệ thống sản dữ liệu.

5. Văn bản xác nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu có giá trị làm căn cứ để Bên mua chứng minh việc đã nhận chuyển giao quyền khai thác, sử dụng hợp pháp đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo phạm vi, mục đích, thời hạn, điều kiện và giới hạn sử dụng được xác lập trong hợp đồng điện tử và hồ sơ giao dịch trên sản dữ liệu.

Văn bản xác nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu không xác nhận quyền sở hữu dữ liệu, không làm phát sinh quyền sở hữu dữ liệu của Bên mua, không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu dữ liệu, chủ thể có quyền hợp pháp đối với dữ liệu và không thay thế hợp đồng điện tử, chứng từ điện tử, thông tin thanh toán, thông tin bàn giao hoặc tài liệu khác trong hồ sơ giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Tổ chức kinh doanh dịch vụ Sản dữ liệu quốc gia có trách nhiệm duy trì hệ thống tra cứu tập trung về tình trạng giao dịch và quyền sử dụng dữ liệu thông qua Sản dữ liệu quốc gia, cho phép các bên tham gia giao dịch, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức, cá nhân có liên quan tra cứu, xác minh tính hợp lệ của giao dịch, phạm vi quyền đã được chuyển giao và tình trạng hiệu lực của Văn bản xác nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu đối với dữ liệu theo phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình.

7. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu khác có trách nhiệm kết nối, liên thông dữ liệu giao dịch và thông tin liên quan đến Văn bản xác nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu quy định tại khoản 4 Điều này với Sản dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của tổ chức kinh doanh dịch vụ Sản dữ liệu quốc gia, bảo đảm Sản dữ liệu quốc gia có thể thực hiện việc tra cứu, đối chiếu, xác minh đối với toàn bộ giao dịch phát sinh trên các sản dữ liệu khác.

8. Trung tâm dữ liệu quốc gia hướng dẫn cụ thể về yêu cầu kỹ thuật, điều kiện kết nối, liên thông, chế độ khai thác, tra cứu và phân quyền truy cập đối với hệ thống ghi nhận, lưu trữ, truy vết và xác minh giao dịch dữ liệu trên Sản dữ liệu quốc gia và giữa Sản dữ liệu quốc gia với các sản dữ liệu khác.

Điều 26. Đánh giá, phản hồi sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân đã hoàn tất giao dịch trên sản dữ liệu có quyền đánh giá, phản hồi đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đã mua, bao gồm: xếp hạng, bình luận và báo cáo sự cố liên quan đến sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đó.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và công khai thông tin đánh giá, phản hồi của người dùng; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn của thông tin đánh giá và cho phép Bên bán phản hồi đối với các đánh giá, báo cáo sự cố liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của mình.

Điều 27. Giá dịch vụ của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu tự định giá và điều chỉnh giá đối với các dịch vụ cung cấp; được xem xét áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để xác định giá dịch vụ và có trách nhiệm công khai, niêm yết giá theo quy định của pháp luật. Trường hợp dịch vụ sản dữ liệu thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và ban hành giá dịch vụ, bao gồm:

- a) Giá dịch vụ đăng ký, duy trì tài khoản giao dịch trên sản dữ liệu theo từng đối tượng tham gia;
- b) Giá dịch vụ niêm yết sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sản dữ liệu;
- c) Giá các dịch vụ khác do tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu cung cấp (nếu có).

3. Giá dịch vụ phải được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của sản dữ liệu trước khi áp dụng; tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

4. Giá dịch vụ quy định tại Điều này không bao gồm giá hoặc phí đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu giao dịch trên sản dữ liệu; việc thu phí, giá đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Chương VI

QUẢN LÝ RỦI RO, HỖ TRỢ XỬ LÝ VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG GIAO DỊCH VÀ HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 28. Xác định và quản lý rủi ro

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và thực hiện chính sách, quy trình nhằm xác định, đánh giá, cảnh báo sớm và xử lý rủi ro phát sinh trong quá trình quản lý, vận hành sản dữ liệu và xử lý dữ liệu; áp dụng biện pháp bảo vệ dữ liệu, dữ liệu cá nhân của người sử dụng và chủ thể có liên quan; định kỳ rà soát, đánh giá rủi ro tiềm ẩn liên quan đến hoạt động quản lý, vận hành sản dữ liệu.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được tạo ra từ hoạt động phân tích, tổng hợp dữ liệu, bao gồm rủi ro gây hiểu nhầm, sai lệch thông tin, suy luận hoặc tái nhận dạng chủ thể dữ liệu cá nhân.

Điều 29. Tiếp nhận, xử lý yêu cầu hỗ trợ và hỗ trợ giải quyết tranh chấp trên sàn dữ liệu

1. Yêu cầu hỗ trợ xử lý vấn đề phát sinh trong giao dịch là đề nghị của bên tham gia giao dịch gửi tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu để được hỗ trợ kiểm tra, đối soát, khắc phục hoặc xử lý vấn đề phát sinh trong quá trình tham gia, xác lập, thực hiện và hoàn tất giao dịch trên sàn dữ liệu.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và duy trì cơ chế tiếp nhận, xử lý yêu cầu hỗ trợ xử lý vấn đề phát sinh trong quá trình niêm yết, giao kết, thực hiện giao dịch, thanh toán, bàn giao, khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu; công khai ít nhất một phương thức tiếp nhận trực tuyến và các phương thức tiếp nhận khác tại Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

3. Yêu cầu hỗ trợ xử lý vấn đề phát sinh trong giao dịch phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thông tin của tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu;
- b) Mã sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có liên quan;
- c) Mã giao dịch, mã đơn hàng, mã hợp đồng điện tử hoặc thông tin khác có khả năng xác định giao dịch (nếu có);
- d) Nội dung vấn đề phát sinh, nguyên nhân và hậu quả (nếu có);
- d) Nội dung đề nghị hỗ trợ;
- e) Tài liệu, thông tin có liên quan (nếu có);
- g) Thời điểm gửi yêu cầu.

4. Việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu hỗ trợ được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu có đầy đủ thông tin, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu phải thông báo cho bên gửi yêu cầu về biện pháp hỗ trợ và thời hạn xử lý dự kiến;

b) Thời hạn xử lý yêu cầu không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ thông tin, tài liệu. Trường hợp vụ việc phức tạp, thời hạn xử lý có thể được gia hạn một lần nhưng không quá 15 ngày làm việc; việc gia hạn phải được thông báo cho bên gửi yêu cầu và các bên có liên quan, trong đó nêu rõ lý do gia hạn;

c) Trường hợp yêu cầu chưa có đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu phải thông báo và đề nghị bên gửi yêu cầu bổ sung trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận;

d) Trường hợp vấn đề phát sinh có liên quan đến dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu do Bên bán hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu cung cấp, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm chuyển yêu cầu đến chủ thể có liên quan và đề nghị phối hợp xử lý;

đ) Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên tham gia giao dịch, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm hỗ trợ các bên đối soát

thông tin; bảo toàn hồ sơ giao dịch; cung cấp thông tin, chứng từ điện tử, nhật ký giao dịch và tài liệu liên quan do hệ thống của sàn dữ liệu ghi nhận; hỗ trợ các bên thương lượng, hòa giải theo Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu khi các bên có yêu cầu; phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu cho trọng tài, tòa án hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Trường hợp phát hiện vấn đề phát sinh có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền hoặc chuyển thông tin, tài liệu đến cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình xử lý yêu cầu hỗ trợ và hỗ trợ giải quyết tranh chấp

1. Bên gửi yêu cầu hỗ trợ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Gửi yêu cầu thông qua tài khoản giao dịch có liên quan; trường hợp tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu thông qua người đại diện thì người đại diện phải có căn cứ đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật;

b) Được thông báo về việc tiếp nhận, biện pháp hỗ trợ, thời hạn xử lý và kết quả xử lý yêu cầu;

c) Cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác thông tin, tài liệu có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp;

d) Phối hợp với tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu và các bên có liên quan trong quá trình xử lý yêu cầu;

đ) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các bên có liên quan:

Bên bán, Bên mua và bên có liên quan đến nội dung yêu cầu hỗ trợ có trách nhiệm phản hồi, cung cấp thông tin, tài liệu và phối hợp xử lý trong thời hạn do tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu thông báo.

3. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Yêu cầu các bên cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cần thiết để xác minh và hỗ trợ xử lý vấn đề phát sinh;

b) Từ chối xử lý yêu cầu không thuộc phạm vi hoạt động của sàn dữ liệu, yêu cầu không có đủ thông tin để xác định giao dịch sau khi đã được đề nghị bổ sung hoặc yêu cầu có nội dung vi phạm pháp luật; việc từ chối phải được thông báo cho bên gửi yêu cầu và nêu rõ lý do;

c) Tiếp nhận, xác minh và hỗ trợ các bên xử lý vấn đề phát sinh theo quy định tại Điều 29 Nghị định này;

d) Bảo mật thông tin, tài liệu do các bên cung cấp, trừ trường hợp phải cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Lưu trữ hồ sơ xử lý yêu cầu theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

4. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu không phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có lỗi hoặc pháp luật có quy định khác:

a) Thiệt hại phát sinh từ thông tin, tài liệu không trung thực, không chính xác hoặc không đầy đủ do bên gửi yêu cầu hoặc bên có liên quan cung cấp;

b) Thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm hợp đồng điện tử giữa Bên bán và Bên mua không liên quan đến hoạt động quản lý, vận hành sản dữ liệu.

5. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại phát sinh do lỗi của mình trong hoạt động kỹ thuật, vận hành, kiểm tra hồ sơ, niêm yết, thanh toán, bàn giao, lưu trữ hoặc truy vết giao dịch thuộc phạm vi quản lý, kiểm soát.

6. Nguyên tắc hỗ trợ giải quyết tranh chấp:

a) Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu không có thẩm quyền ra quyết định giải quyết tranh chấp nhằm xác lập, làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Tranh chấp phát sinh từ giao dịch trên sản dữ liệu được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án hoặc phương thức khác theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật;

c) Trong thời gian tranh chấp đang được giải quyết, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm bảo toàn hồ sơ giao dịch, chứng từ điện tử, nhật ký truy cập, nhật ký xử lý và thông tin liên quan đến giao dịch có tranh chấp; cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ điện tử cho các bên, trọng tài, tòa án hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; áp dụng biện pháp kỹ thuật cần thiết theo Quy chế hoạt động của sản dữ liệu hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để ngăn chặn việc tiếp tục khai thác, sử dụng, chuyển giao dữ liệu trái pháp luật hoặc hạn chế thiệt hại phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ SẢN DỮ LIỆU, BÊN BÁN, BÊN MUA VÀ TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUNG GIAN DỮ LIỆU TRÊN SẢN DỮ LIỆU

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Điều 35 của Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu còn có trách nhiệm:

a) Phê duyệt, tạm ngừng hoặc chấm dứt sự tham gia của tổ chức, cá nhân trên sàn dữ liệu theo điều kiện quy định tại Điều 16 Nghị định này, Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Khi phát hiện thông tin, dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu, tạm ngừng cung cấp, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đó; việc tạm ngừng cung cấp, gỡ bỏ phải được thông báo cho bên có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát an ninh thông tin mạng, an toàn dữ liệu và bảo mật dữ liệu thường xuyên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý rủi ro dữ liệu và giám sát các hành vi có thể ảnh hưởng đến việc bảo vệ dữ liệu;

d) Bảo đảm tính liên tục, ổn định của hệ thống sàn dữ liệu; xây dựng và duy trì kế hoạch ứng phó sự cố, phương án sao lưu và khôi phục dữ liệu theo quy định;

đ) Công bố công khai và duy trì cập nhật Quy chế hoạt động, giá dịch vụ được niêm yết, danh sách tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các thông tin khác theo quy định trên trang thông tin điện tử của sàn dữ liệu;

e) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền cung cấp, quyền khai thác, sử dụng, quyền giao dịch đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được hình thành từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trước khi niêm yết, chào mua, chào bán, đấu giá hoặc tổ chức giao dịch trên sàn dữ liệu; từ chối niêm yết, tạm ngừng, hủy niêm yết, dừng giao dịch hoặc áp dụng biện pháp kỹ thuật cần thiết khi phát hiện dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu không thuộc phạm vi được phép chia sẻ, khai thác, sử dụng hoặc có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật;

g) Trường hợp tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu đồng thời tham gia với tư cách Bên bán trên sàn dữ liệu, tổ chức đó phải công khai tư cách tham gia giao dịch và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Bên bán quy định tại Điều 32 Nghị định này; không được sử dụng thông tin, dữ liệu, công cụ quản lý, quyền kiểm soát kỹ thuật để tạo lợi thế cạnh tranh không bình đẳng, can thiệp bất hợp lý vào giao dịch hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia sàn dữ liệu;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của Bên bán và Bên mua

1. Bên bán có trách nhiệm:

a) Bảo đảm và chứng minh nguồn gốc hợp pháp; quyền sở hữu, quyền cung cấp, khai thác, sử dụng, chuyển giao và giao dịch đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực thông tin, tài liệu; bảo đảm chất lượng, tính đầy đủ, cập nhật và yêu cầu kỹ thuật của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được kê khai, niêm yết và cung cấp trên sàn dữ liệu;

c) Duy trì các điều kiện kỹ thuật cần thiết để Bên mua truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo hợp đồng;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên mua, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu hoặc bên thứ ba do cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu không chính xác, không hợp pháp, không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

đ) Đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được hình thành từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Bên bán cung cấp quyết định, văn bản chấp thuận, thỏa thuận, văn bản ủy quyền hoặc tài liệu khác chứng minh việc được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng, cung cấp, giao dịch trên sàn dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu mở đã được công bố theo quy định của pháp luật;

e) Cơ quan, tổ chức chia sẻ, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia chỉ có tư cách Bên bán khi trực tiếp cung cấp quyền khai thác, sử dụng dữ liệu trên sàn dữ liệu; trường hợp ủy quyền cho chủ thể khác thực hiện việc cung cấp thì chủ thể được ủy quyền phải chứng minh việc ủy quyền hợp pháp;

g) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua có trách nhiệm:

a) Bảo đảm việc khai thác, sử dụng dữ liệu và sản phẩm về dữ liệu đúng phạm vi, mục đích và thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng và theo các điều kiện niêm yết của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu; không chuyển giao lại, sao chép hoặc sử dụng vượt phạm vi theo thỏa thuận;

b) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí giao dịch, giá trị hợp đồng và các khoản phí dịch vụ có liên quan cho tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu và Bên bán theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên bán, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu, chủ thể dữ liệu hoặc bên thứ ba do vi phạm phạm vi quyền khai thác, sử dụng hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác theo hợp đồng và quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 26 của Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu phải thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của sàn dữ liệu và hợp đồng cung cấp dịch vụ; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và bảo mật dữ liệu, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, thông tin khác của khách hàng;

b) Thực hiện việc hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá, thẩm định hồ sơ và dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận, phù hợp với năng lực và điều kiện hoạt động của mình;

c) Bảo đảm tính độc lập, khách quan, chính xác, trung thực; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá, thẩm định và cung cấp kết quả, thông tin, tài liệu có liên quan cho Bên bán, tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu, cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Không kiểm tra, đánh giá, thẩm định hồ sơ và dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trực tiếp cung cấp hoặc đối với giao dịch mà mình là Bên bán hoặc có quyền, lợi ích liên quan;

đ) Lưu trữ hồ sơ, thông tin, tài liệu, kết quả cung cấp dịch vụ;

e) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA SÀN DỮ LIỆU

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược liên quan đến phát triển hoạt động của sàn dữ liệu; định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về tình hình, kết quả hoạt động của Sàn dữ liệu quốc gia và các sàn dữ liệu khác, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hoạt động của sàn dữ liệu.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về tổ chức, quản lý, vận hành và giao dịch trên sàn dữ liệu; tiếp nhận, xử lý hoặc chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan tới sàn dữ liệu theo quy định của pháp luật; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong hoạt động của sàn dữ liệu.

4. Chỉ đạo Trung tâm dữ liệu quốc gia tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, giám sát, kiểm tra, đánh giá, bảo đảm nguồn lực, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và hoạt động liên tục, ổn định của Sàn dữ liệu quốc gia theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan ban hành hoặc công bố theo thẩm quyền khung yêu cầu kỹ thuật tối thiểu về cấu trúc dữ liệu, giao diện kết nối, định danh, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, an toàn và khả năng liên thông giữa các sàn dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Phối hợp với Bộ Công an thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu giao dịch trên sàn dữ liệu.

3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong giao dịch trên sàn dữ liệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thực hiện xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vào hạ tầng và hoạt động của sàn dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và địa bàn quản lý.

2. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khi tham gia giao dịch trên sàn dữ liệu đối với các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, có trách nhiệm xác định dữ liệu được phép khai thác, sử dụng hoặc cung cấp trên sàn dữ liệu; chủ thể có thẩm quyền quyết định đưa dữ liệu vào giao dịch; phương thức kết nối, điều kiện sử dụng, trách nhiệm bảo vệ dữ liệu, nghĩa vụ tài chính và cơ chế kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Bộ Công an và cơ quan có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật diễn ra trên sàn dữ liệu thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2026.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). *HH*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Quốc Dũng



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 314/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu ĐK01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH TRÊN SÀN DỮ LIỆU

Kính gửi: Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu.

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2026 của Chính phủ quy định hoạt động của sàn dữ liệu;

Đề nghị Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu xem xét phê duyệt đề nghị mở tài khoản giao dịch và tài khoản thanh toán trên sàn dữ liệu với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức/Họ và tên cá nhân:
2. Số định danh tổ chức/số định danh cá nhân:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Mã số thuế:
4. Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ thường trú:
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền (đối với tổ chức):
6. Số điện thoại:
7. Email:
8. Nội dung đăng ký: Đăng ký tham gia sàn dữ liệu với vai trò (đánh dấu X vào ô lựa chọn)

☐ Bên bán: Tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

☐ Bên mua: Tổ chức, cá nhân nhận quyền khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

☐ Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu trên sàn dữ liệu.

☐ Tổ chức kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu.

☐ Tổ chức hỗ trợ định giá đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

9. Cam kết của tổ chức/cá nhân đăng ký.

Chúng tôi/Tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, Quy chế của Tổ chức kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn đăng ký. Nếu vi phạm, chúng tôi/tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)